

Bản án số: 08/2022/KDTM-ST  
Ngày: 25/02/2022  
V/v “Tranh chấp  
hợp đồng kinh tế  
về việc cung cấp bê tông thương phẩm”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Luyến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Công Nhân;
2. Bà Phạm Thị Mỹ Hạnh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đào Tấn Sang – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022 tại Tòa án nhân dân Quận 7, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 47/2021/TLST-KDTM ngày 07 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng kinh tế về việc cung cấp bê tông thương phẩm” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2021/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐST- KDTM ngày 26/01/2022, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S

Địa chỉ trụ sở: Số 46-48 đường N, phường A, thành phố T, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phước L, sinh năm: 1997 (có đơn xin xét xử vắng mặt), bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1981 (Có đơn xin xét xử vắng mặt); Cùng địa chỉ liên hệ: Số 46-48 Nguyễn Cơ Thạch, phường An Lợi Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền số 27/2021/UQ ngày 27/05/2021).

2/ Bị đơn: Công Ty TNHH Xây dựng K; Địa chỉ trụ sở: Số 45 Lô L, Đường số 2, Khu dân cư P, phường M, Quận F, Thành phố H (Vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1964; Địa chỉ: 18 Lô J Đường số 8 – Khu dân cư P, phường M, Quận F, Thành phố H (Vắng mặt).

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn tại đơn khởi kiện ngày 27/5/2021, trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án (có ông Nguyễn Phước L là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:*

Ngày 11/05/2020, Công ty Cổ phần S (gọi tắt là nguyên đơn) và Công ty TNHH Xây dựng K (gọi tắt là bị đơn) có ký kết Hợp đồng kinh tế số 478/2020/HĐKT/TGN về việc cung cấp bê tông thương phẩm. Hợp đồng có nội dung chính như sau:

- Công ty Cổ phần S có trách nhiệm sản xuất, vận chuyển và bơm bê tông trộn sẵn đến công trình Hoa Sen Đại Phước – Phân Khu 4 tại xã Đại Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai cho Công ty TNHH Xây dựng K bắt đầu từ ngày 11/5/2020 đến khi hợp đồng được thanh lý.

- Đơn giá đối với từng loại bê tông thương phẩm và từng dịch vụ bơm bê tông được các bên thỏa thuận theo bảng giá:

Bê tông thương phẩm ( mẫu đúc lập phương 15*15*15)	Khối lượng tạm tính(m <sup>3</sup> )	Đơn giá(đ/m <sup>3</sup> )		
		Đơn giá	10% ( VAT)	Giá thanh toán
BT Mac 100-TCVN, độ sụt 10±2		863.636	86.364	950.000
BT Mac 150-TCVN, độ sụt 10±2		909.091	90.909	1.000.000
BT Mac 200-TCVN, độ sụt 10±2		954.545	95.455	1.050.000
BT Mac 250-TCVN, độ sụt 10±2		1.000.000	100.000	1.100.000
BT Mac 300-TCVN, độ sụt 10±2		1.045.455	104.545	1.150.000
BT Mac 350-TCVN, độ sụt 10±2		1.090.909	109.091	1.200.000
BT Mac 400-TCVN, độ sụt 10±2		1.136.364	113.636	1.250.000

Nếu sử dụng bê tông đá mi thì đơn giá trên sẽ được cộng thêm 160.000 đ/m<sup>3</sup> và bê tông đá 1×1 thì đơn giá ghi trên sẽ được cộng thêm 100.000 đ/m<sup>3</sup>. Nếu yêu cầu xe nước thì đơn giá sẽ được thêm 500.000 VND/xe. Nếu độ sụt tăng 2 cm thì giá trên sẽ được cộng thêm 20.000đ/m<sup>3</sup>. Nếu sử dụng phụ gia bù co ngót thì đơn giá trên sẽ được cộng thêm (chưa bao gồm chi phí kiểm định mẫu chống thấm): Cấp chống thấm B6: 70.000đ/m<sup>3</sup>; Cấp chống thấm B8: 80.000đ/m<sup>3</sup>; Cấp chống thấm B10: 100.000đ/m<sup>3</sup>; Cấp chống thấm B12: 120.000đ/m<sup>3</sup>; Nếu yêu cầu phụ gia đông

kết nhanh thì đơn giá trên sẽ được cộng thêm: Phụ Gia đông kết nhanh R14: 50.000đ/m<sup>3</sup> cường độ đạt 90% sau 14 ngày, Phụ Gia đông kết nhanh R7: 70.000đ/m<sup>3</sup> cường độ đạt 90% sau 7 ngày, phụ Gia đông kết nhanh R4: 160.000đ/m<sup>3</sup> cường độ đạt 90% sau 4 ngày, phụ Gia đông kết nhanh R3: 180.000đ/m<sup>3</sup> cường độ đạt 90% sau 3 ngày, mức giá trên được áp dụng cho mỗi đơn hàng giao 1 lần > 4.5m<sup>3</sup>, khối lượng cung cấp 2.5m<sup>3</sup> ≤ 01 xe ≤ 4.5m<sup>3</sup> phụ thu 300.000đ/xe, khối lượng cung cấp ≤ 2.5m<sup>3</sup>/ xe phụ thu 400.000đ/xe. Nguyên đơn có quyền tăng hoặc giảm giá của bê tông khi giá cước vận chuyển, giá của nguyên liệu đầu vào tăng hoặc giảm. Khi có bất kỳ sự thay đổi về giá thì nguyên đơn phải thông báo (bằng văn bản) cho bị đơn trước 07 ngày. Sau khi nguyên đơn thông báo trong vòng 07 ngày, bị đơn phải phản hồi bằng văn bản cho nguyên đơn. Trong trường hợp nguyên đơn không nhận được sự phản hồi này đồng nghĩa với việc nguyên đơn đồng ý với giá mới.

Dịch vụ bê tông	Đơn giá			
	≥ 30m <sup>3</sup> ( đ/m <sup>3</sup> )		< 30m <sup>3</sup> (đ/ca)	
2.2.1 Bơm cầu:	Bơm sàn	Cột/vách/đà	Bơm sàn	Cột/vách/đà
37m ≤ bơm cầu ≤ 42m	90.000	100.000	2.700.000	3.000.000
42m ≤ bơm cầu < 52m	100.000	110.000	3.000.000	3.300.000
52m ≤ bơm cầu	110.000	120.000	3.300.000	3.600.000
2.2.2. Bơm ngang	Bơm sàn	Cột/vách/đà	Bơm sàn	Cột/vách/đà
Chiều dài nối ống ≤ 50m	90.000	100.000	2.700.000	3.000.000
50m < nối ống ≤ 80m	100.000	110.000	3.000.000	3.300.000
80m < nối ống ≤ 110m	110.000	120.000	3.300.000	3.600.000
110m < nối ống ≤ 140m	120.000	130.000	3.600.000	3.900.000
140m < nối ống ≤ 170m	130.000	140.000	3.900.000	4.200.000
170m < nối ống ≤ 200m	140.000	150.000	4.200.000	4.500.000

Trường hợp chiều dài nối ống > 200m, giá bơm sẽ được thống nhất và thỏa thuận sau. Đơn giá trên áp dụng cho những khối đổ bình thường, từ sàn (tầng) 5 trở xuống. Bơm từ sàn (tầng) 5 trở đi thì cứ mỗi 5 sàn (tầng) tiếp theo đơn giá trên cộng thêm 10.000đ/m<sup>3</sup>( khối lượng ≥ 30m<sup>3</sup>) và 300.000 đ/lần/bơm (khối lượng < 30m<sup>3</sup>). Trường hợp khi xe bơm đến công trường mà bị đơn chưa nghiệm thu xong hoặc hoãn không bơm do lỗi của bị đơn thì bị đơn phải tính và trả tiền 01 ca bơm/1 xe bơm, đồng thời nguyên đơn có quyền điều động xe bơm về. Trường hợp khối đổ lớn hơn 1.000m<sup>3</sup>, 01 ca bơm chờ sẽ được miễn phí. Trường hợp bơm phải dời bơm

hiều lần, thì cứ 3 lần dời bơm sẽ tính thêm 1 ca bơm. Bê tông 10Mpa sẽ không sử dụng bơm, chỉ đổ xả.

Giá trên đã bao gồm thuế VAT 10%.

- Phương thức thanh toán: Bị đơn thanh toán cho nguyên đơn theo hình thức chuyển khoản trong vòng 30 ngày kể từ ngày nguyên đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng.

Trong trường hợp bị đơn thanh toán trễ hạn thì bị đơn phải trả lãi suất nợ quá hạn là 1,5%/tháng cho các hóa đơn chưa thanh toán.

Ngoài ra, hợp đồng kinh tế nêu trên còn có các điều khoản về quyền nghĩa vụ của các bên, điều khoản giao hàng, chất lượng và số lượng, giới hạn tín dụng, chuyển nhượng, bất khả kháng, tạm ngừng, chấm dứt hợp đồng, tranh chấp hợp đồng và điều khoản chung.

Từ khi giao kết hợp đồng, nguyên đơn đã sản xuất, vận chuyển và bơm bê tông thương phẩm cho bị đơn và xuất các Hóa đơn GTGT cho bị đơn làm cơ sở thanh toán với tổng số tiền 2.831.325.000 đồng, gồm các hóa đơn:

- Hóa đơn số 0011190 ngày 31/5/2020 với số tiền 136.635.000 đồng
- Hóa đơn số 0011937 ngày 30/6/2020 với số tiền 699.235.000 đồng;
- Hóa đơn số 0012628 ngày 31/7/2020 với số tiền 838.040.000 đồng;
- Hóa đơn số 0013327 ngày 31/8/2020 với số tiền 854.645.000 đồng;
- Hóa đơn số 0014017 ngày 30/9/2020 với số tiền 190.230.000 đồng;
- Hóa đơn số 0014644 ngày 31/10/2020 với số tiền 95.810.000 đồng;
- Hóa đơn số 0015444 ngày 30/11/2020 với số tiền 13.070.000 đồng;
- Hóa đơn số 0015656 ngày 02/12/2020 với số tiền 3.660.000 đồng.

Nguyên đơn đã cung cấp bê tông đúng và đầy đủ theo nội dung thỏa thuận. Tuy nhiên, bị đơn chỉ thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 700.000.000 đồng (trong đó tiền cung cấp bê tông tháng 6/2020 là 699.235.000 đồng và 765.000 đồng tiền cung cấp bê tông tháng 5/2020).

Nguyên đơn và bị đơn tiến hành đối chiếu công nợ theo biên bản xác nhận công nợ, theo đó dư nợ hiện tại của bị đơn là 2.131.325.000 đồng.

Nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ làm việc yêu cầu bị đơn thanh toán công nợ nêu trên, nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán bất kỳ số tiền nào cho nguyên đơn.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán tiền còn nợ là 2.131.325.000 đồng và lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tạm tính đến ngày 25/02/2022 là 554.240.750 đồng (1.5%/tháng). Lãi chậm trả được tính như sau:

- Số tiền lãi chậm thanh toán tiền cung cấp bê tông tháng 5/2020 là:  $135.870.000 \times 1,5\%/30 \times 571 \text{ ngày} = 38.790.885 \text{ đồng}$  (kể từ ngày 31/7/2020 đến ngày 25/02/2022);

- Số tiền lãi chậm thanh toán tiền cung cấp bê tông tháng 7/2020 là:  $838.040.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/30 \times 541 \text{ ngày} = 226.689.820 \text{ đồng}$  (kể từ ngày 31/8/2020 đến ngày 25/02/2022);

- Số tiền lãi chậm thanh toán tiền cung cấp bê tông tháng 8/2020 là:  $854.645.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/30 \times 510 \text{ ngày} = 217.934.475 \text{ đồng}$  (kể từ ngày 01/10/2020 đến ngày 25/02/2022);

- Số tiền lãi chậm thanh toán tiền cung cấp bê tông tháng 9/2020 là:  $190.230.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/30 \times 481 \text{ ngày} = 45.750.315 \text{ đồng}$  (kể từ ngày 31/10/2020 đến ngày 25/02/2022);

- Số tiền lãi chậm thanh toán tiền cung cấp bê tông tháng 10/2020 là:  $95.810.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/30 \times 450 \text{ ngày} = 21.557.250 \text{ đồng}$  (kể từ ngày 01/12/2020 đến ngày 25/02/2022);

- Số tiền lãi chậm thanh toán tiền cung cấp bê tông tháng 11/2020 là:  $13.070.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/30 \times 421 \text{ ngày} = 2.751.235 \text{ đồng}$  (kể từ ngày 31/12/2020 đến ngày 25/02/2022);

- Số tiền lãi chậm thanh toán tiền cung cấp bê tông tháng 12/2020 là:  $3.660.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/30 \times 419 \text{ ngày} = 766.770 \text{ đồng}$  (kể từ ngày 02/01/2021 đến ngày 25/02/2022).

Đề nghị thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra kể từ ngày 26/02/2022, bị đơn vẫn phải tiếp tục chịu lãi suất do chậm thanh toán theo mức lãi suất là 1.5%/tháng cho đến khi thanh toán hết nợ gốc.

Tại phiên tòa nguyên đơn Công ty Cổ phần S do ông Lê Phước Lộc và bà Huỳnh Thị Ngọc Huệ là người đại diện theo ủy quyền có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Về phía bị đơn trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định pháp luật nhưng bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì, vắng mặt không

có lý do, không có văn bản, ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên.

Sau khi nghe chủ tọa công bố lời khai của đương sự cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án;

*Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7:*

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hợp đồng đã ký thì thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn cung cấp địa chỉ trụ sở của bị đơn là số 45 Lô L, Đường số 2, Khu dân cư P, phường M, Quận F, Thành phố H.

Tại công văn số 5510/ĐKKD-T6 ngày 04/11/2021 của Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thể hiện công ty TNHH xây dựng K có trụ sở đăng ký kinh doanh tại số 45 Lô L, Đường số 2, Khu dân cư P, phường M, Quận F, Thành phố H và đến nay công ty TNHH xây dựng K chưa đăng ký giải thể. Theo kết quả trả lời của Ủy ban nhân dân phường M, Quận F thì “tại địa chỉ 45 Lô L, Đường số 2, Khu dân cư P, phường M, Quận F có công ty TNHH Xây dựng K nhưng hiện tại công ty khóa cổng, không có bảo vệ và không có dấu hiệu hoạt động ...”. Vì vậy, trong đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đúng và đầy đủ địa chỉ của bị đơn. Việc bị đơn không hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết nơi có trụ sở mới theo quy định tại Khoản 1 Điều 79 Bộ luật Dân sự 2015 thì được

coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ Điểm e Khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

[1.2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn thiếu xuất phát từ hợp đồng kinh tế về việc cung cấp bê tông thương phẩm mà hai bên đã ký kết. Đây là vụ án tranh chấp phát sinh từ hợp đồng kinh tế giữa các chủ thể có đăng ký kinh doanh và đều nhằm mục đích lợi nhuận là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có trụ sở tại Quận 7 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7 theo quy định tại Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại Khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.5] Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.6] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Phước L và bà Huỳnh Thị Ngọc H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh: Tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn văn bản tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến phản hồi và không phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Công ty TNHH Xây dựng K đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa và cử người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc là: 2.131.325.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận định: Căn

cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định vào ngày 11/05/2020 giữa nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng kinh tế số 478/2020/HĐKT/TGN về việc cung cấp bê tông thương phẩm phục vụ thi công công trình của bị đơn. Căn cứ các hóa đơn, chứng từ và biên bản xác nhận công nợ giữa công ty cổ phần siêu thị Thế Giới Nhà và công ty TNHH Xây dựng K, theo đó công ty TNHH Xây dựng K còn nợ Công ty Cổ phần S số tiền là 2.131.325.000 đồng, đến nay công ty TNHH Xây dựng K chưa trả khoản nợ này cho Công ty Cổ phần S. Việc bị đơn không thanh toán tiền mua bê tông và tiền bơm bê tông đã vi phạm điều khoản thanh toán của hợp đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu tính lãi chậm trả của nguyên đơn đối với số tiền còn nợ theo mức lãi suất 1,5%/tháng tạm tính đến ngày 25/02/2022 là: 554.240.750 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Điều 3.5 của Hợp đồng kinh tế hai bên thỏa thuận: “Trong trường hợp có nợ quá hạn ... Bên B sẽ phải trả lãi suất nợ quá hạn 1,5%/tháng cho các hóa đơn chưa thanh toán...”

Tại Điều 3.3 của Hợp đồng kinh tế hai bên thỏa thuận: “...Bên B thanh toán cho Bên A trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn GTGT...”

Theo Hợp đồng kinh tế thể hiện Bên A là Công ty Cổ phần S; Bên B là công ty TNHH Xây dựng K.

Như vậy, mức lãi suất chậm thanh toán được tính là 1,5%/tháng/số tiền hàng còn nợ của mỗi hóa đơn, thấp hơn mức lãi suất trung bình Liên ngân hàng trên thị trường và thời gian tính lãi chậm thanh toán là bắt đầu từ ngày thứ 31 kể từ ngày nguyên đơn xuất hóa đơn giá trị gia tăng đến ngày xét xử (25/02/2022). Cụ thể như sau:

- Số tiền lãi chậm thanh toán của Hóa đơn số 0011190 ngày 31/5/2020 với số tiền gốc còn nợ là 135.870.000 đồng (136.635.000 đồng - 765.000 đồng). Ngày bắt đầu tính lãi chậm trả là ngày 01/7/2020 đến ngày 25/02/2022 là 600 ngày. Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thanh toán đối với số tiền hàng cho đợt thanh toán này bắt đầu từ ngày 31/7/2020 đến ngày 25/02/2022 là 571 ngày. Số tiền lãi chậm thanh toán được tính là  $135.870.000 \times 1,5\% / 30 \times 571 \text{ ngày} = 38.790.885$  đồng. Việc tính lãi nêu trên của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định của pháp luật và thỏa thuận của hai bên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.



- Số tiền lãi chậm thanh toán của Hóa đơn số 0012628 ngày 31/7/2020 với số tiền gốc còn nợ là 838.040.000 đồng. Ngày bắt đầu tính lãi là ngày 31/8/2020 đến ngày 25/02/2022 là 541 ngày. Số tiền lãi chậm thanh toán được tính là  $838.040.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/30 \times 541 \text{ ngày} = 226.689.820 \text{ đồng}$ .

- Số tiền lãi chậm thanh toán của Hóa đơn số 0013327 ngày 31/8/2020 với số tiền gốc còn nợ là 854.645.000 đồng; Ngày bắt đầu tính lãi là ngày 01/10/2020 đến ngày 25/02/2022 là 510 ngày. Số tiền lãi chậm thanh toán được tính là  $854.645.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/30 \times 510 \text{ ngày} = 217.934.475 \text{ đồng}$ .

- Số tiền lãi chậm thanh toán của Hóa đơn số 0014017 ngày 30/9/2020 với số tiền gốc còn nợ là 190.230.000 đồng; Ngày bắt đầu tính lãi là 31/10/2020 đến ngày 25/02/2022 là 481 ngày. Số tiền lãi chậm thanh toán được tính là  $190.230.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/30 \times 481 \text{ ngày} = 45.750.315 \text{ đồng}$ .

- Số tiền lãi chậm thanh toán của Hóa đơn số 0014644 ngày 31/10/2020 với số tiền gốc còn nợ là 95.810.000 đồng; Ngày bắt đầu tính lãi là 01/12/2020 đến ngày 25/02/2022 là 450 ngày. Số tiền lãi chậm thanh toán được tính là  $95.810.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/30 \times 450 \text{ ngày} = 21.557.250 \text{ đồng}$ .

- Số tiền lãi chậm thanh toán của Hóa đơn số 0015444 ngày 30/11/2020 với số tiền gốc còn nợ là 13.070.000 đồng. Ngày bắt đầu tính lãi là 31/12/2020 đến ngày 25/02/2022 là 421 ngày. Số tiền lãi chậm thanh toán được tính là  $13.070.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/30 \times 421 \text{ ngày} = 2.751.235 \text{ đồng}$ .

- Số tiền lãi chậm thanh toán của Hóa đơn số 0015656 ngày 02/12/2020 với số tiền gốc còn nợ là 3.660.000 đồng. Ngày bắt đầu tính lãi là 02/01/2021 đến ngày 25/02/2022 là 419 ngày. Số tiền lãi chậm thanh toán được tính là  $3.660.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/30 \times 419 \text{ ngày} = 766.770 \text{ đồng}$ .

Tổng số tiền nợ lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tính đến ngày 25/02/2022 là: 554.240.750 đồng, là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S về việc buộc bị đơn công ty TNHH Xây dựng K phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S số tiền lãi chậm thanh toán là 554.240.750 đồng.

Kể từ 26/02/2022, bị đơn vẫn phải trả nợ lãi theo mức lãi suất 1,5%/tháng trên số tiền nợ gốc của mỗi hóa đơn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng kinh tế số 478/2020/HĐKT/TGN về việc cung cấp bê tông thương phẩm ngày 11/5/2020 cho đến khi trả hết nợ gốc, là phù hợp theo thỏa thuận và pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[5] Căn cứ Khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chỉ xem xét giải quyết khi đương sự có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu. Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có bất kì yêu cầu nào và cũng không có ý kiến phản hồi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo quy định của pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 30; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 91; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 3 Điều 4, Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014,

Tuyên xử:

## 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S.

1.1. Buộc Công ty TNHH Xây dựng K có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần S tổng số tiền 2.685.565.750 (Hai tỷ sáu trăm tám mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi lăm ngàn bảy trăm năm mươi) đồng. Trong đó: số tiền nợ gốc là 2.131.325.000 (Hai tỷ một trăm ba mươi một triệu ba trăm hai mươi lăm đồng), và số tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 25/02/2022 là 554.240.750 (Năm trăm năm mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi ngàn bảy trăm năm mươi) đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công Ty TNHH Xây dựng K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1,5%/tháng cho các hóa đơn chưa thanh toán.

## 1.2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công Ty TNHH Xây dựng K phải chịu 85.711.315 (Tám mươi lăm triệu bảy trăm mười một ngàn ba trăm mười lăm) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Công ty Cổ phần S không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả lại Công ty Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 39.881.541 (Ba mươi chín triệu tám trăm tám mươi một ngàn năm trăm bốn mươi một) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0013503 ngày 07/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

## 2. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND TpHCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Sang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Thị Luyện**